

Bản án số: 507/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Lê Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 589/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 622/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Ngọc N, sinh năm: 1999, cư trú: tổ 1, khu dân cư ấp VB, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đặng Văn Y, sinh năm: 1988, cư trú: tổ 1, khu dân cư ấp VB, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà N trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Y là do cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 13/02/2017. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại xã V, cuộc sống vất vả nhưng cũng tương đối hạnh phúc. Đến khi bà sinh con được hơn 10 tháng do kinh tế khó khăn nên cùng nhau đi Bình Dương làm công nhân kiếm sống, mâu thuẫn cũng bắt đầu phát sinh từ đây. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Y không chăm lo được cho gia đình, bà khuyên ngăn thì xảy ra tranh cãi, ông Y bỏ đi đến nay không đồng ý chung sống. Nhiều lần bà liên hệ thì ông Y cắt liên lạc và từ đầu năm 2019 đến nay không tới lui thăm vợ con, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Thị Ngọc N, sinh ngày 29/3/2016, hiện do bà chăm sóc, nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Y theo quy định nhưng ông không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà N - ông Y để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2020, ông Nguyễn Minh T là Phó ấp VB, xã V cho biết: Ông Y hiện nay không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa nhưng hộ khẩu ông vẫn còn ở ấp VB, chưa thực hiện việc tách chuyển đi nơi khác.

Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2020, bà Thái Thị L – dì ruột của bà N cho biết: Ban đầu về chung sống thì hạnh phúc nhưng sau khi có con thì cuộc sống trở nên khó khăn, hai vợ chồng bàn nhau đi Bình Dương kiếm sống, mâu thuẫn cũng phát sinh từ đó nhưng cụ thể như thế nào thì bà không biết được. Đến khi hai vợ chồng bà N không còn chung sống về nói chuyện với gia đình hai bên thì liên hệ ông Y để hàn gắn nhưng ông cắt đứt liên lạc, từ năm 2019 đến nay nhiều lần bà N có ý định ly hôn nhưng gia đình ngăn cản. Nay nhận thấy có chờ đợi cũng không có kết quả và bà N đã lớn nên gia đình để bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn Y. Ông Y cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Do vậy đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, ông Y vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N và ông Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 13/02/2017 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông Y, Hội đồng xét xử xét thấy Thời gian không chung sống giữa hai người đã lâu nhưng các bên không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Y đã được triệu tập để tham gia các phiên hoà giải nhưng vắng mặt, điều này cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng không đồng ý đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, các bên đã không thực hiện tròn vẹn nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai có 01 con chung tên Đặng Thị Ngọc N, sinh ngày 29/3/2016, hiện do bà N nuôi dạy.

Xét yêu cầu về con chung sau khi ly hôn của bà N thì thấy: Từ khi không còn chung sống đến nay cháu N được bà N và gia đình chăm sóc, tình cảm mẹ con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu N là con gái đang phát triển và cần sự chăm sóc và chỉ bảo từ người mẹ. Từ những căn cứ nêu trên, cần tiếp tục giao cháu N cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà N không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà N.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Y không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Đình Thị Ngọc N

Về hôn nhân: Bà Đình Thị Ngọc N được ly hôn với ông Đặng Văn Y.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện An Phú mang tên ông Đặng Văn Y và bà Đình Thị Ngọc N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Đình Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi cháu Đặng Thị Ngọc N, sinh ngày 29/3/2016, công nhận tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Đình Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004900 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà N đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã V, AP, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo

1.